ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3815 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Văn bản hợp nhất 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 06/8/2026 của Bộ Tư pháp về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và Thông tư 13/2026/TT-BTP ngày 30/9/2026 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1000/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai *(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm)*. Cụ thể:

- 02 TTHC theo hướng sử dụng, khai thác dữ liệu đã được công bố tại các CSDL quốc gia chuyên ngành và được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường;

- 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

- Về Danh mục thủ tục hành chính: thay thế 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh có mã số 1.003650; 1.003634; 1.004694 và 01 thủ tục hành chính cấp xã có mã số 1.004478 được ban hành tại phụ lục kèm theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Chủ tịch UBDN tỉnh (nay là Chủ tịch UBND thành phố) về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường.

- Về quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cấp tỉnh: Thay thế 02 Quy trình điện tử giải quyết TTHC có mã số 1.003650; 1.003634; đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là Chủ tịch thành phố) phê duyệt tại Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có mã số 1.004694 được ban hành tại phụ lục kèm theo Quyết định 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính một số lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Môi trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026.

+ Cấp xã: Thay thế 01 Quy trình điện tử giải quyết TTHC có mã số 1.004478 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là Chủ tịch UBND thành phố) phê duyệt tại Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung khác tại Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026; Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 12/02/2026; Quyết định 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh (nay UBND Thành phố) ban hành vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố, triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đồng Nai (đăng tải lên Công thông tin điện tử thành phố);
- Lưu: VT, KTN, HCC (Diệp).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính theo hướng sử dụng, khai thác dữ liệu đã được công bố tại các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	**Thủ tục hành chính cấp tỉnh**							
1	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà	Chưa có văn bản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 được sửa đổi bổ	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		phục vụ nuôi trồng thủy sản	đủ, hợp lệ	chính công ích hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	nước về thủy sản cấp tỉnh	quy định	sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trường Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	**Thủ tục hành chính cấp tỉnh**							
1	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15. - Thông tư 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ trường Bộ Nông nghiệp	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							và Môi trường	và Môi trường
B	**Thủ tục hành chính cấp xã**							
1	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15. - Thông tư 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ trường Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường-

PHẦN 2: QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Danh mục thủ tục hành chính theo hướng sử dụng, khai thác dữ liệu đã được công bố tại các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết tthc	Thời gian giải quyết TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.003650- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Quy trình của thủ tục được xây dựng theo nội dung Quyết định 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	1,5 ngày		
Bước 4	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
2. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.003634– Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Quy trình của thủ tục được xây dựng theo nội dung Quyết định 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	01 ngày		
Bước 4	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày		

Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**		

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1. Công bố mở cảng cá loại I,II. Mã thủ tục: 1.004694 – Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Quy trình của thủ tục được xây dựng theo nội dung Quyết định 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Chuyên viên Phòng Thủy sản - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	2 ngày		
Bước 4	Trình phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND thành phố (Chủ tịch Ủy bân nhân dân Thành phố phê duyệt)	02 ngày		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa - Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		
B. Thủ tục hành hính cấp xã					

1. Công bố mở cảng cá loại III Mã TTHC: 1.004478- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Quy trình của thủ tục được xây dựng theo nội dung Quyết định 4069/QĐ-BNNMT ngày 26/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị			
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	3,5 ngày		
Bước 3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày		
Bước 4	Trả kết quả	Trung tâm hành chính công cấp xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		